

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **5107**/QĐ-BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *28* tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

(phụ lục chi tiết kèm theo)

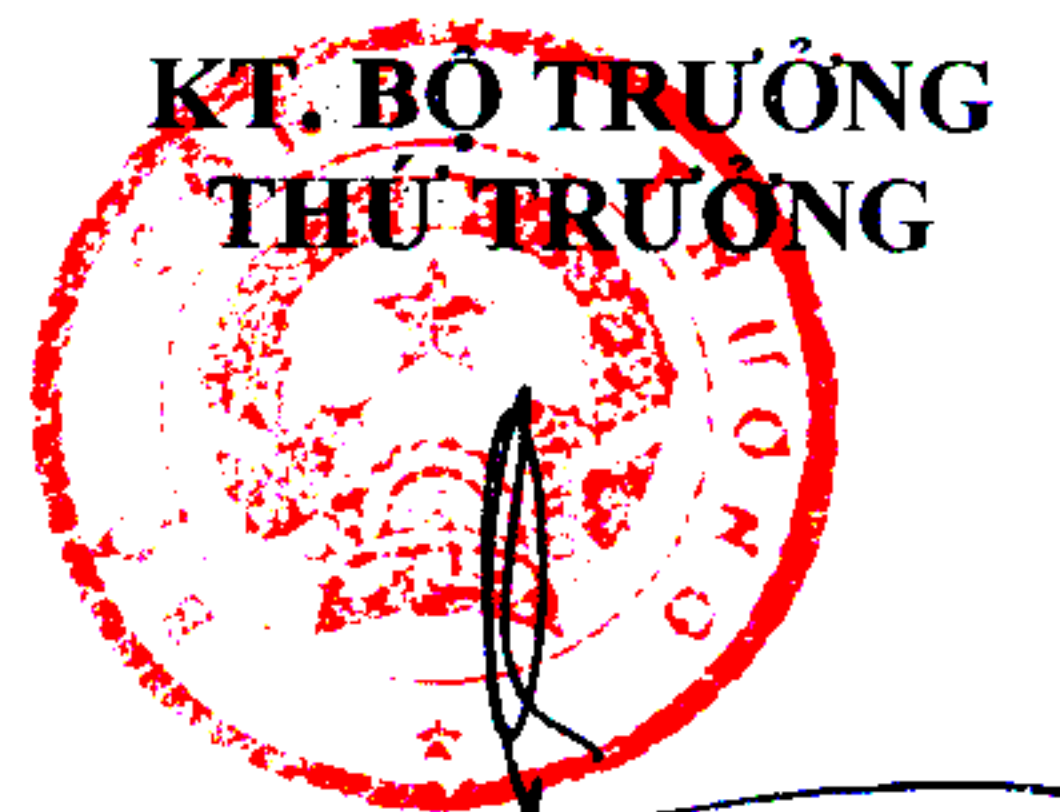
Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2019 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Kế hoạch, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, TC.



Đặng Hoàng An

1001.72
1001.72

1001.72

1001.72

BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 5107/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
I	Dự toán thu từ các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước									
1	Số thu phí	5.020	5.020		5.020	0	0	0	0	0
2	Số phí nộp ngân sách nhà nước	2.090	2.090		2.090	0	0	0	0	0
3	Số chi từ nguồn thu phí được để lại	2.930	2.930		2.930	0	0	0	0	0
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước	2.930	2.930		2.930	0	0	0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.160.733	4.082.823	77.910	2.253.246	0	1.907.487	1.829.577	77.910	
A	Chi đầu tư phát triển	332.286	332.286		0	0	332.286	332.286	0	
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	332.286	332.286		0	0	332.286	332.286	0	
B	Chi thường xuyên	3.828.447	3.750.537	77.910	2.253.246	0	1.575.201	1.497.291	77.910	
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	672.940	672.940		290.400	0	382.540	382.540	0	
1.1	Chi thường xuyên	577.040	577.040		290.400	0	286.640	286.640	0	
	Trong đó: Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước	18.700	18.700				18.700	18.700	0	
1.2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	4.300	4.300				4.300	4.300	0	

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	0						0	0	0
	- Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	2.000	2.000					2.000	2.000	0
	Nội dung thành phần số 11: Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới	0						0	0	0
	- Nội dung số 02 và số 03: Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp; công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý chương trình	2.300	2.300					2.300	2.300	0
1.3	Chi Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động	91.600	91.600					91.600	91.600	0

TT	Chi tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Dự án 1: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp	91.000	91.000				91.000	91.000	0	
	Dự án 3: Tăng cường an toàn, vệ sinh lao động	600	600				600	600	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	413.510	413.510		0	0	413.510	413.510	0	
-	Trong đó: Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	230.830	230.830				230.830	230.830	0	
-	Dự án: hiện đại hóa trang thiết bị và nâng cao cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển	27.860	27.860				27.860	27.860	0	
-	Dự án: ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	10.000	10.000				10.000	10.000	0	
-	Chương trình phát triển công nghiệp môi trường	10.000	10.000				10.000	10.000	0	
-	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất tiêu dùng bền vững	6.485	6.485				6.485	6.485	0	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	47.600	47.600		0	0	47.600	47.600	0	
3.1	Chi thường xuyên	12.500	12.500				12.500	12.500	0	

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
3.2	Chi Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	35.100	35.100					35.100	35.100	0
	<i>Dự án 4: An toàn thực phẩm</i>	33.600	33.600					33.600	33.600	0
	<i>Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế</i>	1.500	1.500					1.500	1.500	0
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.500	1.500	0	0	0	1.500	1.500	0	
4.1	Chi thường xuyên	300	300				300	300	0	
4.2	Chi Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin	1.200	1.200				1.200	1.200	0	
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	12.807	12.807	0	0	0	12.807	12.807	0	
5.1	Chi thường xuyên	8.820	8.820				8.820	8.820	0	
5.2	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020	3.987	3.987				3.987	3.987	0	
	<i>Dự án thành phần số 1: Thực hiện một số nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>	800	800				800	800	0	
	<i>Dự án thành phần số 3: Thực hiện một số hoạt động xây dựng thể chế, chính sách; tăng cường năng lực và theo dõi, giám sát, đánh giá Hợp phần tăng trưởng xanh</i>	3.187	3.187				3.187	3.187	0	
6	Chi các hoạt động kinh tế	768.990	691.080	77.910	52.116	52.116	0	716.874	638.964	77.910
6.1	Chi thường xuyên	761.990	684.080	77.910	52.116	52.116	0	709.874	631.964	77.910

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Trong đó: Chi thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ	150.000	150.000				150.000	150.000	0	
	Chương trình khuyến công quốc gia	140.000	140.000				140.000	140.000	0	
	Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	125.000	125.000				125.000	125.000	0	
	Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia	45.000	45.000				45.000	45.000	0	
	Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”	13.000	13.000				13.000	13.000	0	
	Đề án về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp	5.000	5.000				5.000	5.000	0	
6.2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	7.000	7.000				7.000	7.000	0	
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	7.000	7.000		0		7.000	7.000	0	

TT	Chi tiêu	Bộ Tài chính giao		Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước
	- Các nội dung số 01, 03, 04, 05: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tăng cường công tác khuyến nông; thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; hỗ trợ phát triển hợp tác xã; phát triển ngành nghề nông thôn,...	7.000	7.000				7.000	7.000	0
7	Chi hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;... Kinh phí đảm bảo hoạt động cơ quan thương vụ ngoài nước Kinh phí tăng thêm để đảm bảo hoạt động của lực lượng quản lý thị trường chuyên từ địa phương về Bộ Công Thương (*)	1.910.730	1.910.730		1.910.730	0	0	0	0
		245.000	245.000		245.000		0	0	0
		1.328.700	1.328.700		1.328.700		0	0	0
8	Chi bảo đảm xã hội Chi Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy Dự án 2: Hỗ trợ phòng chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia	370	370	0	0	0	370	370	0
		370	370				370	370	0
		50	50				50	50	0

TT	Chi tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ			Bộ Công Thương phân bổ số còn lại		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Dự án 3: Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người	70	70				70	70	0	
	Dự án 4: Nâng cao năng lực phòng, chống ma túy cho các lực lượng chuyên trách và năng lực xử lý án về ma túy	250	250				250	250	0	

Ghi chú:

- Kinh phí đảm bảo mức tiền lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng cho cả năm 2019.
- Vốn vay: 27.910 triệu đồng, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.
- Vốn viện trợ: 50.000 triệu đồng, trong đó 5.560 triệu đồng thực hiện rút dự toán trong phạm vi dự toán giao và theo cơ chế tài chính trong nước và 44.440 triệu đồng thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán giao.
- Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nâng cao năng lực của lực lượng quản lý thị trường: 100.000 triệu đồng (chỉ thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh phí các dự án giao cho các đơn vị chi được thực hiện khi có đầy đủ thủ tục theo quy định.